



# AMPICILLIN 1g

Thuốc bột pha tiêm



**CÔNG THỨC:** cho một lọ

Ampicillin sodium tương đương ampicillin..... 1g

## ĐƯỢC LỰC HỌC:

- Ampicillin là một kháng sinh phổ rộng có tác dụng trên cả cầu khuẩn Gram dương và Gram âm: *Streptococcus*, *Pneumococcus* và *Staphylococcus* không sinh penicillinase.

- Cơ chế tác dụng: ampicillin tác động vào quá trình nhân lên của vi khuẩn, ức chế sự tổng hợp mucopeptide của thành tế bào vi khuẩn.

## ĐƯỢC ĐỘNG HỌC:

- Sau khi tiêm bắp 1 liều 500mg, sau 1 giờ đạt được nồng độ đỉnh trong huyết thanh là 8 - 10mg/lít, với nửa đời thải trừ là 80 phút.

- Phân bố: khoảng 20% ampicillin liên kết với protein huyết tương. Ampicillin có thể tích phân bố lớn, khuếch tán qua nhau thai, vào tuần hoàn của thai nhi và vào nước ối.

- Thải trừ: ampicillin thải trừ nhanh, chủ yếu qua ống thận (80%) và ống mật.

## CHỈ ĐỊNH:

- Viêm đường hô hấp trên do *Streptococcus pyogenes*, *Streptococcus pneumoniae*, *Haemophilus influenzae*.

- Viêm xoang, viêm tai giữa, viêm phế quản mạn tính bộc phát và viêm nắp thanh quản do các chủng vi khuẩn nhạy cảm gây ra.

- Viêm màng não do *Meningococcus*, *Pneumococcus* và *Haemophilus influenzae*.

- Bệnh nhiễm *Listeria* vì vi khuẩn *Listeria monocytogenes* rất nhạy cảm với ampicillin.

## CÁCH DÙNG:

- Theo chỉ dẫn của bác sỹ.

- Liều đề nghị:

\* Người lớn: tiêm bắp hoặc tiêm tĩnh mạch gián đoạn thật chậm từ 3 - 6 phút, 0,5 - 2g/lần, 4 - 6 giờ/lần hoặc truyền tĩnh mạch.

Điều trị nhiễm khuẩn huyết hoặc viêm màng não nhiễm khuẩn: 8 - 14g hoặc 150 - 200mg/kg, tiêm làm nhiều lần cách nhau 3 - 4 giờ/lần. Đối với điều trị khởi đầu trong nhiễm khuẩn huyết hoặc viêm màng não nhiễm khuẩn phải tiêm tĩnh mạch ít nhất 3 ngày và sau đó có thể tiêm bắp.

\* Trẻ em:

+ Điều trị nhiễm khuẩn huyết hoặc viêm màng não nhiễm khuẩn: 100 - 200mg/kg/ngày chia thành nhiều liều nhỏ cách 3 - 4 giờ/lần, bắt đầu bằng tiêm tĩnh mạch trong 3 ngày và tiếp tục bằng tiêm bắp.

+ Đối với nhiễm khuẩn ngoài viêm màng não:

. Trẻ sơ sinh  $\leq 1$  tuần tuổi: 25mg/kg tiêm bắp hoặc tiêm tĩnh mạch 12 giờ/lần (đối với trẻ cân nặng  $\leq 2$ kg thể trọng) hoặc 8 giờ/lần (đối với trẻ trên 2kg thể trọng).

. Trẻ sơ sinh trên 1 tuần tuổi: 25mg/kg tiêm bắp hoặc tĩnh mạch, cách 8 giờ/lần (đối với trẻ cân nặng  $\leq 2$ kg thể trọng) hoặc 6 giờ/lần (đối với trẻ trên 2kg thể trọng).

+ Đối với viêm màng não ở trẻ dưới 2 tháng tuổi, liều tĩnh mạch: 100 - 300mg/kg/ngày chia làm nhiều lần phối hợp với gentamicin tiêm bắp.

\* Bệnh nhân suy thận:

+ Độ thanh thải creatinine  $\geq 30$ ml/phút: dùng liều thông thường ở người lớn.

+ Độ thanh thải creatinine  $\leq 10$ ml/phút: dùng liều thông thường cách 8 giờ/lần.

Người bệnh chạy thận nhân tạo phải dùng thêm 1 liều ampicillin sau mỗi thời gian thẩm tích.

- Thời gian điều trị: phụ thuộc vào loại và mức độ nặng của nhiễm khuẩn. Đối với đa số nhiễm khuẩn tiếp tục điều trị ít nhất 48 - 72 giờ sau khi người bệnh hết triệu chứng.

- Cách dùng:

+ Tiêm bắp: hòa tan 1g ampicillin với 3,5ml nước cất pha tiêm.

+ Tiêm tĩnh mạch/tiêm truyền tĩnh mạch: hòa tan 1g ampicillin với 5 - 10ml nước cất pha tiêm.

Dung dịch đã pha tiêm chậm trong ít nhất 3 - 5 phút với mỗi liều 250 - 500mg, trong ít nhất

10 - 15 phút với liều 1g. Ampicillin có thể thêm vào dung dịch tiêm, tiêm truyền với độ pha loãng phù hợp.

- Độ ổn định và tương hợp:

+ Ampicillin kém bền trong dung dịch glucose hoặc các carbohydrate khác. Không nên pha chung dung dịch có ampicillin với các chế phẩm của máu hoặc dung dịch đạm thủy phân. Do tương kỵ, không nên pha trộn ampicillin trong cùng 1 vật chứa với aminoglycoside.

+ Dung dịch tiêm ampicillin sodium phải tiêm ngay lập tức sau khi pha và không được để đóng băng.

+ Thời gian sử dụng các dung dịch đã pha loãng khác nhau để truyền tĩnh mạch như sau:

Dung môi pha loãng	Nồng độ ampicillin	Thời gian dùng	
		25°C	4°C
Nước vô khuẩn pha tiêm	đến 10mg/ml	4 giờ	36 giờ
Sodium chloride	đến 10mg/ml	4 giờ	36 giờ
Lactate ringer	đến 10mg/ml	4 giờ	12 giờ

+ Ampicillin sodium tương kỵ với aminosid, các tetracycline, các loại kháng sinh khác bao gồm amphotericin, clindamycin phosphate, erythromycin lactobionate, lincomycin hydrochloride, metronidazole và polymyxin B sulfate.

#### **CHỐNG CHỈ ĐỊNH:**

Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

#### **THẬN TRỌNG:**

- Kiểm tra định kỳ chức năng gan, thận khi điều trị lâu dài.
- Đề kháng chéo với cephalosporin.
- Bệnh nhân suy thận cần giảm liều.

#### **THỜI KỲ MANG THAI - CHO CON BÚ:**

Phụ nữ mang thai và cho con bú: có thể sử dụng thuốc với liều điều trị bình thường.

#### **TÁC DỤNG PHỤ:**

- Thường gặp: tiêu chảy, mẩn đỏ (ngoại ban).
- Ít gặp: thiếu máu, giảm tiểu cầu, tăng bạch cầu ưa eosin, giảm bạch cầu và mất bạch cầu hạt, viêm lưỡi, viêm miệng, buồn nôn, nôn, viêm đại tràng, viêm đại tràng giả mạc, tiêu chảy, mày đay.
- Hiếm gặp: phản ứng phản vệ, viêm da tróc vảy và ban đỏ đa dạng. Phản ứng dị ứng ở da kiểu "ban muộn".

\* Hướng dẫn cách xử trí tác dụng không mong muốn:

- + Nếu thời gian điều trị lâu dài, phải định kỳ kiểm tra gan, thận.
- + Phải điều tra kỹ lưỡng xem trước đây người bệnh có dị ứng với penicillin, cephalosporin và các tác nhân dị ứng khác không. Nếu phản ứng dị ứng xảy ra như: mày đay, sốc phản vệ, hội chứng Stevens-Johnson thì phải ngừng ngay biện pháp ampicillin và chỉ định điều trị lập tức bằng epinephrine (adrenaline) và không bao giờ được điều trị lại bằng penicillin và cephalosporin nữa.
- Thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

#### **TƯƠNG TÁC THUỐC:**

- Tránh phối hợp với allopurinol vì tăng nguy cơ gây mẩn đỏ ở da.
- Các kháng sinh kìm khuẩn như chloramphenicol, các tetracycline, erythromycin làm giảm khả năng diệt khuẩn của ampicillin.

#### **QUÁ LIỀU & CÁCH XỬ TRÍ:**

- Các phản ứng thần kinh, kể cả co giật có thể xuất hiện khi nồng độ  $\beta$ -lactam cao trong dịch não tủy.
- Cách xử trí: ampicillin có thể được loại ra khỏi tuần hoàn chung bằng thẩm phân máu.

#### **HẠN DÙNG:**

- 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Không sử dụng thuốc hết hạn dùng.

#### **BẢO QUẢN:**

Nơi khô (độ ẩm  $\leq 70\%$ ), nhiệt độ  $\leq 30^\circ\text{C}$ , tránh ánh sáng.

#### **TRÌNH BÀY:**

- Hộp 20 lọ.
- Hộp 50 lọ.

Tiêu chuẩn áp dụng: ĐDVN IV

Để xa tầm tay trẻ em.  
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ.  
Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sỹ.

Sản xuất tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**  
297/5 Lý Thường Kiệt - Quận 11 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam